

Name:

Vocabulary:

Class: S2...

Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:

Ngày GV giao bài:.....

Ngày HS nộp bài:.....



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school – Vocabulary revision

A. Vocabulary.

❖ Days of the week. (Các ngày trong tuần)

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	Monday (n)	thứ hai	5	Friday (n)	thứ sáu
2	Tuesday (n)	thứ ba	6	Saturday (n)	thứ bảy
3	Wednesday (n)	thứ tư	7	Sunday (n)	chủ nhật
4	Thursday (n)	thứ năm			

❖ Month of the year. (Các tháng trong năm)

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	January (n)	tháng Giêng	7	July (n)	tháng bảy
2	February (n)	tháng hai	8	August (n)	tháng tám
3	March (n)	tháng ba	9	September (n)	tháng chín
4	April (n)	tháng tư	10	October (n)	tháng mười
5	May (n)	tháng năm	11	November (n)	tháng mười một
6	June (n)	tháng sáu	12	December (n)	tháng mười hai

*Note: n (noun): danh từ

*Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

❖ Structure (Mẫu câu)

(?) What day is it today? (Hôm nay là thứ mấy?)

(⇒) It's + day of the week. (Hôm nay là thứ...)

B. Homework.

I. Write the correct day or month in the order of time.

0. Monday → Tuesday → Wednesday
1. March → April → _____
2. _____ → Wednesday → Thursday
3. September → _____ → November
4. _____ → February → March

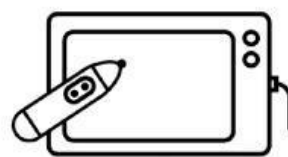
II. Circle the correct answer.



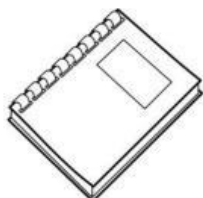
0. computer / hat



1. map / calendar



2. tablet / paint



3. chair / notebook



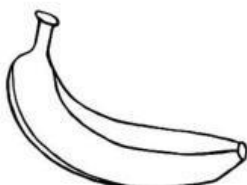
4. keys / jumper



5. map / sunglasses

III. Fill in the blanks to complete the words.

0.



banana

1.



j _ m p _ r

2.



l _ nc _ box

3.



pai _ t

4.



ma _ ke _

5.



ca _ e _ dar

III. Write the correct answer.



What day is it
today?

It's
.....



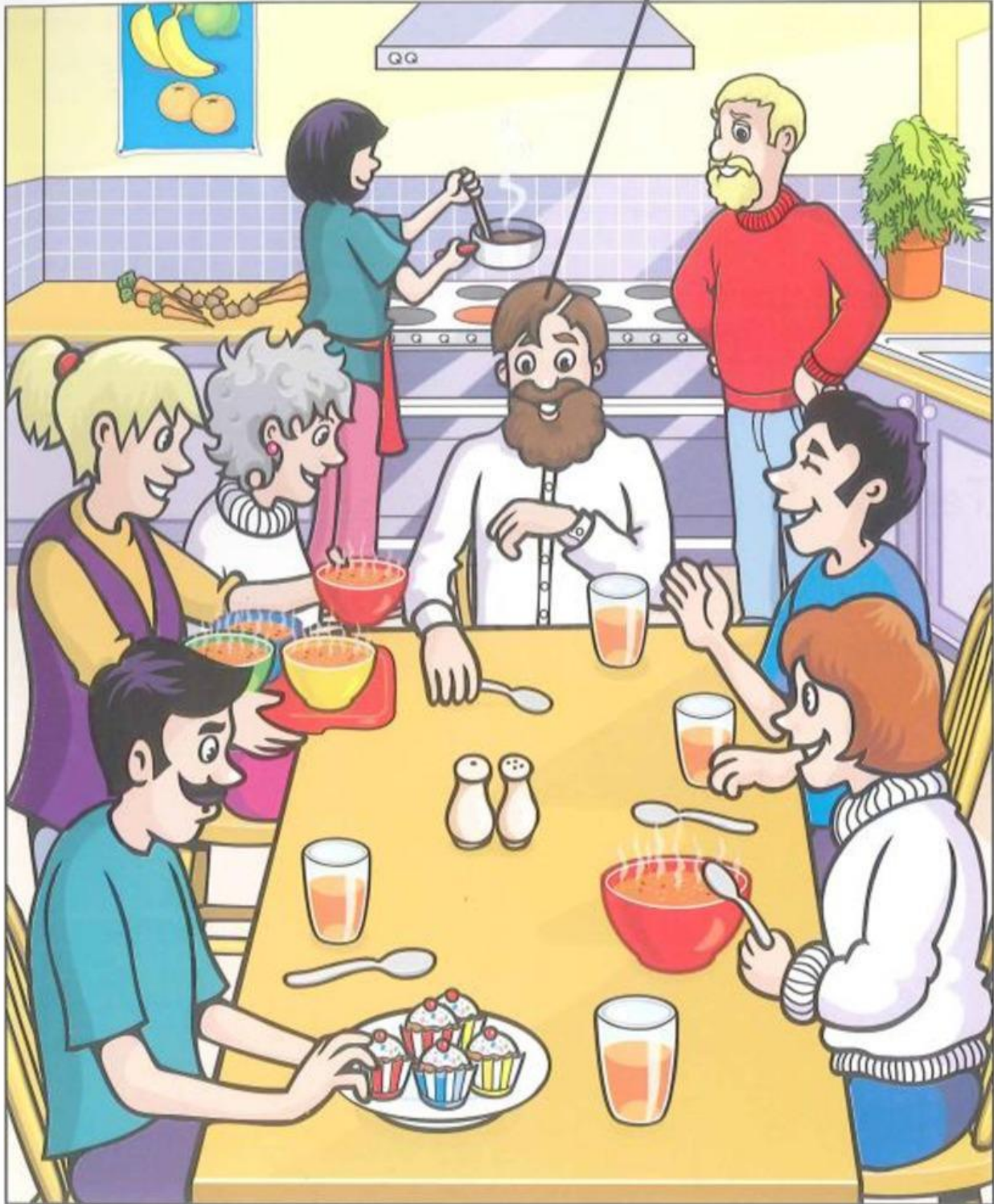
Listen and draw lines. There is one example.

Daisy

Sally

David

Jane



Jim

Fred

Peter

MINI TEST

I. Write words corresponding to the pictures.

0. ball

1. ju_p_r



2. ph_n



3. j_mping r_pe



4. s_ngl_sses



5. ke_

II. Match words with the pictures.

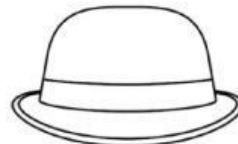
0. chicken

1. pencil

2. hat

3. notebook

4. lunchbox



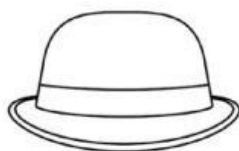
Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!



MINI TEST

StarLink

I. Write words corresponding to the pictures.

0. ball

1. h__t



2. l__nchb__x



3. p__nc__l



4. n__te__ook



5. k__y

II. Match words with the pictures.

0. chicken

1. sunglasses

2. phone

3. jumper

4. skipping rope



Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

